

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2021/HN&GD-ST

Ngày: 13/01/2021

“V/v: Kiện ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Cường

Các hội thẩm nhân dân gồm có:

1. Ông Ksor Y Nai

2. Ông Hoàng Tuyển

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Năng Quân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện E.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện E* tham gia phiên tòa: Ông Hồ Quang Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2021 tại phòng xử án-Toà án nhân dân huyện E, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2020/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2020 về việc “Kiện ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2020/QĐXX-ST, ngày 08/12/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 24/12/2020, giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn 6A, xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Trần H, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn 6, xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn trình bày:

- Về tình cảm: Bà Lê Thị L và ông Trần H chung sống với nhau năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại UBND R, huyện E trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống ông H không lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình, từ đó phát nhiều sinh

mâu thuẫn, dẫn đến cuộc sống hai người không hạnh phúc, hiện hai người đã sống ly thân khoảng 05 năm. Nay bà L không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà L và ông H có một người con chung là cháu Trần Nhơn H, sinh ngày 07/03/2012, hiện bà L đang trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Nếu ly hôn thì bà L có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên câu khởi kiện của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông H không hợp tác làm việc, vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi được ý kiến của ông H về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà L được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Giao cháu Trần Nhơn H, sinh ngày 07/03/2012 cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành.

- Về cấp dưỡng: Bà L không yêu cầu, nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về án phí: Bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với bị đơn Trần H, sau

khi thụ lý vụ án Tòa án đã trực tiếp đến tại nơi cư trú để xác minh và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L và chị ông Trần H chung sống với nhau từ năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, trên cơ sở tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu thì hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong cuộc sống chung hai bên bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng và hiện nay hai người đã sống ly thân. Nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H.

Xét thấy, hiện nay hai người đã sống ly thân với nhau, cuộc sống chung giữa bà L và ông H không có hạnh phúc, việc xác minh tình trạng hôn nhân của bà L và ông H tại ban tự quản thôn và chính quyền địa phương thì không xác định được nguyên nhân mâu thuẫn. Tuy nhiên, căn cứ vào tình trạng hôn nhân và yêu cầu ly hôn của bà L có đủ cơ sở để xác định bà L và ông H hiện không có cuộc sống chung hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3]. Về con chung: Hiện cháu Trần Nhơn H, sinh ngày 07/03/2012 do bà L chăm sóc và nuôi dưỡng, bà L cũng có đủ điều kiện để chăm sóc con chung. Vì vậy, cần giao cháu Trần Nhơn H cho bà L chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng khi cháu trưởng thành.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

[6]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39; khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc Hội.

- Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị L. Bà Lê Thị L được ly hôn với ông Trần H.

- Về con chung: Giao cháu Trần Nhơn H, sinh ngày 07/3/2012 cho bà Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

- Về án phí: Bà Lê Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'leo, theo biên lai số 0012083 ngày 08 tháng 10 năm 2020.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- Viện KSND huyện E;
- Thi Hành án huyện E;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- UBND R (Số 53/2011; Quyền 01)
- Lưu hồ sơ, VT.

Đỗ Xuân Cường